

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC PHÂN TỬ HIỆN TẠI VÀ TÍNH ĐỘNG TỪ TIẾNG PHÁP CỦA SINH VIÊN KHOA TIẾNG PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Trần Hương Lan

Khoa Tiếng Pháp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Phân tử hiện tại (*participe présent*) và tính động từ (*adjectif verbal*) là các hiện tượng ngữ pháp cơ bản và tương đối phổ biến của tiếng Pháp. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy sinh viên thường gặp khá nhiều khó khăn khi học hiện tượng ngữ pháp này. Mục đích của bài viết tìm ra những khó khăn của sinh viên khoa tiếng Pháp trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong việc học phân tử hiện tại và tính động từ tiếng Pháp. Để đạt được mục đích của nghiên cứu, chúng tôi đã khảo sát điều tra bằng một bảng hỏi và một bài test về cách sử dụng phân tử hiện tại và tính động từ tiếng Pháp. Kết quả cuộc điều tra cho thấy sinh viên gặp khó khăn phân biệt phân tử hiện tại và tính động từ, nhầm lẫn cách viết và đặc biệt là sử dụng không đúng hai hiện tượng ngữ pháp này. Từ kết quả này, chúng tôi đã đưa ra một số đề xuất sư phạm dạy và học phân tử hiện tại và tính động từ tiếng Pháp.

Từ khóa: phân tử hiện tại, tính động từ, đề xuất sư phạm.

1. Mở đầu

Ngữ pháp đóng vai trò quan trọng trong việc học một ngôn ngữ nói chung và trong việc học tiếng Pháp nói riêng. Bất kỳ ai, dù là người bản ngữ hay không, đều phải học ngữ pháp nếu muốn sử dụng ngôn ngữ tốt. Vì vậy, để học tốt tiếng Pháp, trước tiên người học cần phải nắm vững những hiện tượng ngữ pháp cơ bản. Hiện nay, số lượng các công trình nghiên cứu về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản vẫn chưa nhiều so với tầm quan trọng của nó. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu và các tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Lâm Trung (2004) *Phân tích đối chiếu mệnh đề phụ đảm nhận chức năng trạng ngữ chỉ sự so sánh trong tiếng Pháp và tiếng Việt. Những giải pháp chuyển dịch* [1]; Đinh Hồng Vân (2007) *So sánh cách biểu đạt ý nghĩa bị động trong hai ngôn ngữ Pháp và Việt* [2]; Trần Hương Lan (2014) *Câu trực tiếp, câu gián tiếp trong tiếng Pháp và tiếng Anh: Những điểm tương đồng và khác biệt* [3]; Nguyễn Thị Dương Nga (2017) *Mạo từ trong tiếng Pháp và tiếng Anh. Một số lưu ý trong giảng dạy môn ngoại ngữ 2 tiếng Pháp cho học viên, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Học viện Khoa học Quân sự* [4]; Hoàng Thanh Vân, Trần Hương Lan (2019) *Những khó khăn thường gặp của sinh viên khi học câu trực tiếp, gián tiếp tiếng Pháp và giải pháp trong giảng dạy* [5].

Có thể nói các công trình trên đều đề cập đến các hiện tượng ngữ pháp cơ bản nhất trong tiếng Pháp, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu về khó khăn của sinh viên khi học phân tử hiện tại và tính động từ. Do đó, việc nghiên cứu tìm ra khó khăn của sinh viên khi học phân tử hiện tại và tính động từ để từ đó đưa ra những đề xuất sư phạm về việc dạy và học hiện tượng ngữ pháp này là một vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa lí luận và giá trị thực tiễn.

Ngày nhận bài: 21/2/2021. Ngày sửa bài: 29/3/2021. Ngày nhận đăng: 10/4/2021.

Tác giả liên hệ: Trần Hương Lan. Địa chỉ e-mail: lanth@hnue.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung khái niệm

2.1.1. Phân từ hiện tại

Thức phân từ có 2 thời : hiện tại (présent) và quá khứ (passé). Phân từ hiện tại là một trong 2 thời của thức phân từ.

Theo Poisson-Quinton, phân từ hiện tại là một dạng động từ mà người ta thường gặp trong văn viết. Nó có tất cả đặc tính của một động từ : nó có thể có một chủ ngữ (danh từ hoặc đại từ), một bổ ngữ (bổ ngữ đối tượng, bổ ngữ tình huống), nó có thể được đặt ở dạng phủ định [6].

C'était un hôtel accueillant les hôtes à la semaine.

Trong câu trên, phân từ hiện tại *accueillant* có bổ ngữ trực tiếp là *les hôtes*, và nó có thể được đặt dưới dạng phủ định

C'était un hôtel n'accueillant pas les hôtes accompagnés d'un animal.

2.1.1.1. Cấu tạo

Đối với phần lớn các động từ, phân từ hiện tại được cấu tạo dựa trên gốc của động từ chia ngôi thứ nhất số nhiều thì hiện tại cộng với đuôi **-ant**.

Chercher : nous cherchons → **cherchant**

Remplir : nous remplissons → **remplissant**

Faire : nous faisons → **faisant**

Có 3 trường hợp đặc biệt :

être → **étant**

avoir → **ayant**

savoir → **sachant**

2.1.1.2. Cách sử dụng

Phân từ hiện tại biểu thị một sự việc đang xảy ra đồng thời với một sự việc khác ở thời hiện tại, quá khứ hoặc tương lai [7]. Thời của nó chính là thời của động từ chính trong câu.

Tu la vois lisant un roman.

Tu l'as vu lisant un roman.

Tu la verras lisant un roman.

Phân từ hiện tại có thể biểu thị một sự việc đang xảy ra ở một thời điểm trong văn cảnh xác định, chứ không ở thời điểm của động từ chính trong câu.

Imaginez-vous Nguyễn Huệ marchant jour et nuit, à la tête de ses troupes, à la libération de Thăng Long [7]

Phân từ hiện tại thường có một bổ ngữ đứng sau:

Nous avons vu un homme lisant un roman.

- Nó có thể được thay thế bằng một mệnh đề phụ quan hệ:

Une porte communiquant avec la sortie = Une porte qui communique avec la sortie [8]

Phân từ hiện tại có thể được thay thế bằng một mệnh đề phụ chỉ tình huống:

Mourant de faim, le pauvre homme se décida à demander la charité.

Le pauvre homme, mourant de faim, se décida à demander la charité.

(= *parce qu'il mourait de faim ...*) [6]

Bien qu'ayant étudié la grammaire russe pendant dix ans, il continue à faire des erreurs.

= *Il continue à faire des erreurs en grammaire russe bien que l'ayant étudiée pendant dix ans [6]*

Những khó khăn trong việc học phân từ hiện tại và tính động từ tiếng Pháp của sinh viên...

Trong một mệnh đề đặc biệt, gọi là mệnh đề phân từ, (proposition participiale), phân từ hiện tại có chủ ngữ riêng của mình:

Le professeur étant absent, les étudiants sont autorisés à quitter la classe.

2.1.2. Tính động từ

2.1.2.1. Cấu tạo

Đối với phần lớn các động từ, tính động từ có cách viết giống với phân từ hiện tại. Có một số động từ, tính động từ có cách viết khác với phân từ hiện tại. Dưới đây là những động từ mà tính động từ và phân từ hiện tại có cách viết khác nhau.

Động từ	Phân từ hiện tại	Tính động từ	Động từ	Phân từ hiện tại	Tính động từ
Adhérer	Adhérent	Adhérent	Communiquer	Communiquant	Communicant
Affluer	Affluent	Affluent	Convaincre	Convainquant	Convaincant
Coïncider	Coïncidant	Coïncident	Provoquer	Provoquant	Provocant
Confluer	Confluant	Confluent	Suffoquer	Suffoquant	Suffocant
Converger	Convergeant	Convergent	Vaquer	Vaquant	Vacant
Différer	Différant	Différent	Déléguer	Déléguant	Délégant
Déterger	Détergeant	Détergent	Extravaguer	Extravaguant	Extravagant
Diverger	Divergeant	Divergent	Fatiguer	Fatiguant	Fatigant
Émerger	Émergeant	Émergent	Intriguer	Intriguant	Intrigant
Équivaloir	Équivalant	Équivalent	Naviguer	Naviguant	Navigant
Exceller	Excellant	Excellent	Zigzaguer	Zigzaguant	Zigzagant
Expédier	Expédiant	Expédient			
Influer	Influant	Influent			
Interférer	Interférant	Interférent			
Négliger	Négligeant	Négligent			
Précéder	Précédant	Précédent			
Somnoler	Somnolant	Somnolent			
Violer	Violant	Violent			

2.1.2.2. Cách sử dụng

Theo Nguyễn Ngọc Cảnh, phân từ hiện tại dùng như tính từ có giá trị như một tính từ chỉ phẩm chất và được gọi là tính động từ. Do đó, nó cũng hợp giống và số với danh từ mà nó bổ nghĩa và có những chức năng như tính từ chỉ phẩm chất, và có thể được một số trạng từ đứng trước nó bổ ngữ [7].

un roman intéressant

une chanson intéressantes

Elle n'aime pas les couleurs trop voyantes.

Tính động từ không thể có bổ ngữ của động từ (complément du verbe) nhưng có thể có bổ ngữ của tính từ (complément de l'adjectif).

Ma soeur est débordante de vie.

Tính động từ có thể có chức năng là tính ngữ, thuộc ngữ của chủ ngữ, thuộc ngữ của bổ ngữ:

C'est un film intéressant. (tính ngữ)

Ce film est intéressant. (thuộc ngữ của chủ ngữ)

Je trouve ce film intéressant. (thuộc ngữ của bổ ngữ)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả.

50 sinh viên năm thứ 2 và 3 Khoa tiếng Pháp – Trường Đại học sư phạm Hà Nội, bao gồm 3 nam và 47 nữ, được chọn tham gia nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu là phương pháp “toàn bộ”. Có nghĩa là toàn bộ dân số nghiên cứu được chọn làm mẫu của nghiên cứu. Tất cả những sinh viên được chọn này đều đã học các hiện tượng ngữ pháp này.

Công cụ thu thập dữ liệu gồm một bài kiểm tra (Test) và một Bảng hỏi. Bài test gồm 2 bài tập: Bài tập 1 gồm 10 tiểu mục có mục đích kiểm tra khả năng phân biệt phân từ hiện tại với tính động từ. Cụ thể hơn, bài tập này yêu cầu sinh viên thay thế 10 động từ nguyên thể (có phân từ hiện tại và tính động từ viết giống hệt nhau) bằng phân từ hiện tại hoặc tính động từ. Bài tập 2 cũng gồm 10 tiểu mục và yêu cầu cũng giống bài tập 1. Khác với bài tập 1, 10 động từ được chọn có phân từ hiện tại và tính động từ có cách viết khác nhau.

Bảng hỏi gồm 8 câu có mục đích xác định khả năng sinh viên đã nắm được cấu tạo và cách sử dụng phân từ hiện tại và tính động từ, những khó khăn mà họ thường gặp khi phân biệt và sử dụng các phân từ hiện tại và tính động từ và nguyên nhân của những khó khăn này.

Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 10/2020 tại Khoa tiếng Pháp trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi nhận được kết quả từ bảng hỏi và bài test của sinh viên, chúng tôi đã phân tích kết quả và rút ra một số kết luận như sau :

2.3.1. Khó khăn phân biệt phân từ hiện tại với tính động từ

Vì phần lớn phần lớn phân từ hiện tại và tính động từ có cách viết giống hệt nhau. Hơn nữa, đa số các sinh viên không thể phân biệt được khi nào dùng phân từ hiện tại, khi nào dùng tính động từ. Vì vậy, các em thường hợp giống hợp số sai.

**Ce sont des garçons timides ne disants jamais rien.*

Câu này động từ “dire” đáng lẽ phải dùng ở dạng phân từ hiện tại là **disant** nhưng 40% sinh viên dùng ở dạng tính động từ là **disants**.

2.3.2. Nhầm lẫn về cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ đối với các trường hợp đặc biệt

Một số sinh viên đã nắm được cách sử dụng của phân từ hiện tại và tính động từ nhưng đối với những trường hợp mà tính động từ có chính tả khác với phân từ hiện tại thì các em vẫn còn không phân biệt được về cách viết.

**Cette femme était très influante dans son pays.*

** Les travaux fatigant les ouvriers seront mieux payés.*

Qua 2 ví dụ trên, chúng ta nhận thấy những sinh viên này đã nắm được cách sử dụng phân từ hiện tại và tính động từ. Họ đã xác định phải dùng tính động từ đối với câu 1 nên họ đã hợp giống với danh từ “cette femme”, phải dùng phân từ hiện tại đối với câu 2 nên họ đã không hợp giống, số với danh từ “les travaux”. Nhưng hai động từ *influer* và *fatiguer* có cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ khác nhau và họ vẫn chưa nắm được cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ đối với những trường hợp đặc biệt.

2.3.3. Xác định sai thành phần của câu.

Les plaines du Kenya offrent des spectacles (surprendre) aux touristes.

Rất nhiều sinh viên đã nắm được cách sử dụng của phân từ hiện tại và tính động từ nhưng vẫn làm sai câu này. Nguyên nhân là các em chưa nắm được cấu trúc của động từ **surprendre**. Các em nhìn thấy ngay đằng sau động từ **surprendre** có **aux touristes** và các em cho rằng **aux**

touristes chính là bổ ngữ gián tiếp của động từ **surprendre**. Vì vậy các em đã sử dụng phân từ hiện tại của động từ **surprendre** là **surprenant**.

**Les plaines du Kenya offrent des spectacles surprenant aux touristes.*

2.4. Một số đề xuất sư phạm

Xuất phát từ những khó khăn của sinh viên đã được phân tích ở trên, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất về việc giảng dạy nhằm giúp cho người học có thể sử dụng tốt hơn phân từ hiện tại và tính động từ

2.4.1. Giúp cho sinh viên thấy rõ được sự khác nhau của phân từ hiện tại và tính động từ bằng cách phân tích những ví dụ cụ thể

- Phân từ hiện tại dùng như động từ nên nó có chức năng của một động từ. Tính động từ là một tính từ nó có giá trị như một tính từ chỉ phẩm chất và có chức năng của một tính từ chỉ phẩm chất. Vì vậy phân từ hiện tại có bổ ngữ của động từ (bổ ngữ trực tiếp, bổ ngữ gián tiếp, bổ ngữ tình huống) trong khi đó tính động từ không có 3 loại bổ ngữ này. Giáo viên nên chọn những cặp câu giống nhau có cùng một động từ nguyên thể ở trong ngoặc (một câu động từ nguyên thể được dùng ở dạng phân từ hiện tại, câu kia động từ nguyên thể được dùng ở dạng tính động từ) để minh họa cho sự khác nhau này.

Ví dụ :

A1. *Elle regardait les étoiles (scintiller)dans le ciel.*

A2. *Elle regardait les étoiles (scintiller)*

Nhìn cặp câu này sinh viên thấy ngay câu 1 **dans le ciel** là bổ ngữ tình huống chỉ địa điểm của động từ **scintiller**, trong đó câu 2 **scintiller** không có bổ ngữ. Vậy các em sẽ sử dụng phân từ hiện tại ở câu 1 là **scintillant** và tính động từ ở câu 2 là **scintillantes**.

Ví dụ :

B1. *Les élèves (négliger) échouent souvent aux examens [9].*

B2. *Les élèves (négliger)leur travail ont échoué à l'examen [9].*

Với cặp câu này, sinh viên nhận thấy ngay câu 2 động từ **négliger** có bổ ngữ trực tiếp là **leur travail** còn câu 1 **négliger** không có bổ ngữ. Vậy các em sẽ sử dụng phân từ hiện tại ở câu 2 là **négligeant** và tính động từ ở câu 1 là **négligents** .

Giáo viên nên cho thêm một số các cặp câu khác để giúp các sinh viên có thể so sánh 2 câu và nhận thấy sự khác nhau rõ rệt giữa phân từ hiện tại và tính động từ.

C1. *Les slogans (convaincre)..... le grand public font vendre les produits [9].*

C2. *Les slogans (convaincre)permettent de vendre les produits [9].*

D1. *Les vêtements (provoquer)des problèmes sont interdits au lycée [9].*

D2. *Les vêtements (provoquer) sont interdits au lycée [9].*

- Phân từ hiện tại dùng như động từ nên nó có thể được sử dụng với một phủ định (ne.....pas, ne.....plus, ne.....jamais, ne.....personne) trong khi đó tính động từ không bao giờ đi cùng với một phủ định như ne.....pas, ne.....plus, ne.....jamais, ne.....personne). Sau khi giáo viên chỉ ra sự khác nhau này, sinh viên sẽ dễ dàng chọn phân từ hiện tại trong các câu sau :

Ce sont des garçons timides ne (dire)..... jamais rien.

Elle travaille seul, ne (communiquer) avec personne

Vì tất cả các câu trên, động từ đều đi kèm với một phủ định nên các động từ trong ngoặc phải để dưới dạng phân từ hiện tại chứ không thể là tính động từ.

Ce sont des garçons timides ne disant jamais rien.

Elle travaille seul, ne communiquant avec personne

Giáo viên cũng có thể yêu cầu sinh viên chú ý đến vị trí của trạng từ bổ nghĩa cho phân từ hiện tại và tính động từ. Vì phân từ hiện tại giống một động từ chia ở dạng đơn nên vị trí của trạng từ bổ nghĩa cho nó đứng sau, còn tính động từ là một tính từ nên trạng từ bổ nghĩa cho nó đứng trước.

Il a une vie très (fatiguer)

Ce traitement médical le (fatiguer) beaucoup, il a dû arrêter de travailler.

Trong câu 1 trạng từ **très** đứng trước **fatiguer** nên **fatiguer** được dùng ở dạng tính động từ là **fatigante**. Trong câu 2 trạng ngữ **beaucoup** đứng sau **fatiguer** nên **fatiguer** được dùng ở dạng phân từ hiện tại là **fatigant**.

Phân từ hiện tại tương đương với mệnh đề phụ quan hệ bắt đầu bằng đại từ quan hệ “qui”, nên giáo viên có thể yêu cầu sinh viên thay thế từ mà họ phân vân giữa phân từ hiện tại và tính động từ bằng mệnh đề phụ quan hệ bắt đầu bằng đại từ quan hệ “qui”. Nếu thay thế được thì chắc chắn đó là phân từ hiện tại.

J'ai vu un étudiant (lire) un journal.

J'ai vu un étudiant qui lit un journal.

= *J'ai vu un étudiant lisant un journal.*

Ngoài ra, người ta có thể đặt **en** trước phân từ hiện tại để tạo thành động danh từ (gérondif).

Tranchant une poire, elle s'est coupée.

Người ta có thể nói : *En tranchant une poire, elle s'est coupée.*

Nhưng người ta không thể nói : *Tranchante une poire, elle s'est coupée.*

Tính động từ hợp giống hợp số với danh từ nó bổ nghĩa. Vì vậy, giáo viên có thể yêu cầu sinh viên thay thế danh từ đứng trước nếu là giống đực thì thay bằng một danh từ giống cái và ngược lại. Nếu thay thế được, đó là tính động từ.

Ce sont des livres intéressants.

Người ta có thể thay thế **des livres** bằng **des chansons**: *Ce sont des chansons intéressantes.*

Tính động từ có giá trị như một tính từ chỉ phẩm chất. Vì vậy, giáo viên có thể yêu cầu sinh viên thay thế từ mà họ đang phân vân giữa phân từ hiện tại và tính động từ bằng một tính từ chỉ phẩm chất. Nếu thay được thì đó là tính động từ.

Ce sont des livres intéressants.

Ta có thể thay thế **intéressants** bằng tính từ **fantastiques** : *Ce sont des livres fantastiques.*

Tính động từ có chức năng của một tính từ chỉ phẩm chất. Nên tính động từ có thể là tính ngữ (épithète), thuộc ngữ của chủ ngữ, thuộc ngữ của bổ ngữ trực tiếp (attribut du sujet, attribut du complément d'objet direct). Vì vậy giáo viên có thể yêu cầu sinh viên xác định vị trí của từ mà họ đang lưỡng lự giữa phân từ hiện tại và tính động từ. Nếu vị trí đó có thể giữ chức năng là tính ngữ (épithète), thuộc ngữ của chủ ngữ, thuộc ngữ của bổ ngữ trực tiếp (attribut du sujet, attribut du complément d'objet direct) thì chắc chắn từ đó phải là tính động từ.

1. *Ce sont des livres (intéresser)*

2. *Ces livres sont (intéresser)*

3. *Je trouve ces livres (intéresser)*

Câu 1 vị trí của **intéresser** là vị trí của một tính ngữ (épithète), câu 2 vị trí của **intéresser** là vị trí của một thuộc ngữ của chủ ngữ (attribut du sujet), câu 3 vị trí của **intéresser** là vị trí của một thuộc ngữ của bổ ngữ (attribut du complément d'objet direct), nên **intéresser** phải được dùng dưới dạng tính động từ là **intéressants**.

- Giáo viên có thể yêu cầu sinh viên chú ý đến nghĩa của câu. Phân từ hiện tại diễn đạt một hành động đang diễn ra, có giới hạn rõ ràng về thời gian và chỉ thoáng qua còn tính động từ diễn tả một trạng thái, một phẩm chất, một đặc tính thường trực không có giới hạn về thời gian [10].

C'est une fille (obéir)

La fille, (obéir)..... à sa mère, peut sortir avec ses amis.

Câu 1: Đó là cô gái biết vâng lời. Ở đây người ta muốn nói đến tính cách thường trực của cô gái, không phải là một hành động đang diễn ra. Câu 2: cô gái vì vâng lời mẹ có thể đi chơi với bạn. Ở đây người ta muốn nói về hành động đang diễn ra, chỉ nhất thời, thoáng qua. Lúc đó, cô gái vâng lời mẹ nhưng sau đó cô gái ấy có thể không vâng lời mẹ nữa. Khi sinh viên nhận thấy rõ sự khác nhau về nghĩa trong hai câu trên, các em sẽ chọn tính động từ cho câu 1 là **obéissante**, phân từ hiện tại cho câu 2 là **obéissant**.

Đối với các ngoại động từ (verbes intransitifs) tức là động từ không có bổ ngữ, tùy thuộc vào ý định của người viết để sử dụng phân từ hiện tại hay tính động từ. Nếu người viết muốn diễn tả hành động thì dùng phân từ hiện tại còn muốn diễn tả trạng thái, tình trạng, tính chất dùng tính động từ.

Elle a été trouvée tremblant de froid. (tremblant là phân từ hiện tại khi tác giả muốn diễn tả hành động trembler)

Elle a été trouvée tremblante de froid. (tremblante là tính động từ khi tác giả muốn diễn tả một trạng thái)

2.4.2. Giúp sinh viên nhớ được cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ trong các trường hợp đặc biệt

Đối với các trường hợp đặc biệt, giáo viên thường cung cấp cho sinh viên bảng tổng kết các động từ có đuôi khác nhau giữa phân từ hiện tại và tính động từ. Bảng tổng kết này có khá nhiều động từ nhưng thường giáo viên lại không giúp sinh viên nhớ được cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ trong các trường hợp đặc biệt này. Sinh viên thường lẫn lộn cách viết của phân từ hiện tại và tính động từ với nhau.

Các trường hợp đặc biệt được chia làm 3 loại :

- Các động từ kết thúc bằng **quer** (communiquer, provoquer...), phân từ hiện tại vẫn giữ nguyên gốc của động từ và chỉ thay thế đuôi **er** bằng **ant** : **communicant**, **provoquant**.... nhưng tính động từ có một dạng khác là thay **qu** bằng **c** ở gốc của động từ rồi thêm đuôi **ant** : **communicant**, **provocant**....

- Các động từ kết thúc bằng **guer** (fatiguer, intriguer...), phân từ hiện tại vẫn giữ nguyên gốc của động từ và chỉ thay thế đuôi **er** bằng **ant** : **fatigant**, **intrigant**... nhưng tính động từ có một dạng khác là bỏ **u** ở gốc của động từ rồi thêm đuôi **ant** : **fatigant**, **intrigant**...

- Khoảng 20 động từ mà phân từ hiện tại kết thúc bằng **ant**, tính động từ kết thúc bằng **ent**. Đối với tất cả các động từ này phân từ hiện tại luôn được cấu tạo bằng cách thay đuôi **ant** vào đuôi **ons** của ngôi **nous** thì hiện tại. (négliger-nous **négligeons**- participe présent : **négligeant**) còn tính động từ thay đuôi **ant** của phân từ hiện tại bằng **ent** (phân từ hiện tại : **affluent** – tính động từ : **affluent**. Nhưng những động từ mà ngôi nous thì hiện tại có đuôi là **eons** thì phân từ hiện tại là **eant**, tính động từ là **ent**.

2.4.3. Yêu cầu sinh viên xác định chính xác chức năng các thành phần của câu.

Việc xác định chính xác các thành phần của câu sẽ giúp cho sinh viên dùng đúng phân từ hiện tại hay tính động từ.

Les plaines du Kenya offrent des spectacles (surprendre) aux touristes.

Đối với câu này, giáo viên cần yêu cầu sinh viên xác định đúng **aux touristes** là bổ ngữ của động từ **offrir** hay động từ **surprendre**. **aux touristes** chính là bổ ngữ của động từ **offrir**, nó

không phải là bổ ngữ của động từ **surprendre** vì *surprendre quelqu'un* chứ không phải là *surprendre à quelqu'un*. Phần lớn các sinh viên đã xác định sai chức năng của danh từ **touristes** trong câu trên, họ cho rằng **aux touristes** là bổ ngữ của động từ **surprendre** nên họ đã để **surprendre** ở dạng phân từ hiện tại là **surprenant**. Nhưng sau khi đã xác định đúng chức năng của danh từ **touristes** trong câu trên là bổ ngữ của động từ **offrir**, họ đã chọn đúng dạng của động từ **surprendre** là tính động từ **surprenants**.

3. Kết luận

Phân từ hiện tại và tính động từ đều xuất phát từ dạng động từ đuôi **-ant** nên người học thường nhầm lẫn giữa hai dạng này. Để học tốt hiện tượng ngữ pháp này đòi hỏi người học phải nắm vững cách sử dụng của từng dạng từ đó sẽ thấy được sự khác nhau trong cách sử dụng của hai dạng này. Trong khi đó sinh viên khoa Pháp hầu như chưa được học tiếng Pháp ở bậc phổ thông nên việc nắm chắc tất cả các hiện tượng ngữ pháp trong thời gian ngắn không phải là dễ đối với các em. Vì vậy chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu này để chỉ ra những khó khăn của sinh viên khi học phân từ hiện tại và tính động từ. Từ những khó khăn đó chúng tôi có một số đề xuất sư phạm liên quan đến việc dạy và học hiện tượng ngữ pháp này. Chúng tôi hy vọng bài báo này sẽ một tài liệu hữu ích cho giáo viên và sinh viên khoa Tiếng Pháp trong quá trình dạy học phân từ hiện tại và tính động từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lân Trung, 2004. “Phân tích đối chiếu mệnh đề phụ đảm nhận chức năng trạng ngữ chỉ sự so sánh trong tiếng Pháp và tiếng Việt. Những giải pháp chuyên dịch”. *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Ngoại ngữ*, T.XX, Số 3, tr. 69-80.
- [2] Đinh Hồng Vân, 2007. “So sánh cách biểu đạt ý nghĩa bị động trong hai ngôn ngữ Pháp và Việt”. *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học xã hội và nhân văn*, Số 23, tr.247-261.
- [3] Trần Hương Lan, 2014. “Câu trực tiếp, câu gián tiếp trong tiếng Pháp và tiếng Anh: Những điểm tương đồng và khác biệt”. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học xã hội*, Số 59, tr.98-101.
- [4] Nguyễn Thị Dương Nga, 2017. “Mạo từ trong tiếng Pháp và tiếng Anh. Một số lưu ý trong giảng dạy môn ngoại ngữ 2 tiếng Pháp cho học viên, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Học viện Khoa học Quân sự”. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, Số 07, tr.16-25.
- [5] Hoàng Thanh Vân, Trần Hương Lan, 2019. “Những khó khăn thường gặp của sinh viên khi học câu trực tiếp, gián tiếp tiếng Pháp và giải pháp trong giảng dạy”. *Tạp chí Dạy và Học ngày nay*. Số kì 1-7/2019, tr. 30-33.
- [6] Sylvie Poisson-Quinton, Reine Mimran, Michèle Mahéo-Le Coadic, 2002, *Grammaire expliquée du française-Niveau intermédiaire*, CLE international, tr. 164-165.
- [7] Nguyễn Ngọc Cảnh, 1991, *Ngữ pháp tiếng Pháp*, tập 2. Nxb Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Khoa học giáo dục, tr. 88-90.
- [8] Martin Riegel, Jean-Christophe Pellat, René Rioul, 1996, *Grammaire méthodique du français*, Presses Universitaires de France, pp. 340-341.
- [9] <https://www.francaisfacile.com/exercices/exercice-francais-2/exercice-francais-44671.php>
- [10] Maurice Grevisse, André Goosse, 2011. *Nouvelle grammaire française - 3e édition*. Groupe De Boeck, Bruxelles, pp. 295-297.

ABSTRACT

Difficulties of students of the French department of Hanoi National University of Education while distinguishing between present participle and verbal adjective

Tran Huong Lan

Faculty of French, Hanoi National University of Education

Present participle and verbal adjective are basic and relatively common grammatical phenomena of the French language. However, in the teaching process, we find that students often encounter many difficulties when learning this grammar phenomenon. The purpose of the article is to find out the difficulties of students of the French department of Hanoi National University of Education in learning this grammatical phenomenon. To that end, we surveyed 50 students of the French department of Hanoi National University of Education. We have distributed a survey and a test on the usage of present participle and verbal adjective. Survey results showed that students could not distinguish present participle and verbal adjective, confusing the spelling of present participle and verbal adjective for present participle and verbal adjective with different spelling, misidentifying the components of the sentence leading to the incorrect use of present participle and verbal. From the results of the survey, we have given some pedagogical recommendations in teaching and learning present participle and verbal adjective.

Keywords: present participle, verbal adjective, pedagogical recommendations.